

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2023/DS -ST

Ngày: 25-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi (họ)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông **Bùi Thành Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi (họ)*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1966. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Chị **Hồ Thị L**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người làm chứng:**

1/ Bà **Giang Thị Hoàng H**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

2/ Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1952. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Bà **Hồ Thanh T**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Từ tháng 12 năm 2020 âm lịch đến nay bà là hội viên có tham gia 02 dây hội do chị Hồ Thị L (V) làm chủ hội (đầu thảo), danh sách ghi tên chị M, loại hội tháng. Cụ thể các dây hội như sau:

Dây 1: Mở ngày 25/12/2020âl, loại hội 1.000.000đ, chủ hội hưởng hoa hồng 500.000đ cho mỗi lần mở hội, dây hội có 24 phần, bà tham gia 01 phần, bà đã góp hội sống được 21 lần, đến lần thứ 22 (ngày 25/9/2022âl) bà mở lãnh hội, mở 850.000đ, lãnh được 21 phần chết là 21.000.000đ, 02 phần sống 300.000đ, trừ hoa hồng 500.000đ, góp 02 phần hội chết còn lại 2.000.000đ, số còn lại chủ hội phải giao bà là 18.800.000đ nhưng đến nay chị L không giao cho bà.

Dây 2: Mở ngày 29/8/2021âl, loại hội 2.000.000đ, chủ hội hưởng hoa hồng 1.000.000đ cho mỗi lần mở hội, dây hội có 22 phần, bà tham gia 01 phần, bà đã góp hội sống được 14 lần, đến lần thứ 15 (ngày 29/10/2022âl) bà mở lãnh hội, mở 860.000đ, lãnh được 14 phần chết là 28.000.000đ, 07 phần sống 7.980.000đ, trừ hoa hồng 1.000.000đ, góp 07 phần hội chết còn lại 14.000.000đ, số còn lại chủ hội phải giao bà là 20.980.000đ nhưng đến nay chị L không giao cho bà.

Tổng số tiền 02 dây hội chị L chưa giao cho bà là 39.780.000đ, sau đó chị L có trả cho bà được 3.000.000đ, còn lại 36.780.000đ đến nay chưa trả. Bà đã nhiều lần đến đòi nhưng chị L cứ hứa hẹn nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Nay bà khởi kiện yêu cầu chị Hồ Thị L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội còn nợ 36.780.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Hồ Thị L có nghĩa vụ trả số tiền hội còn nợ 36.780.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 15, 16 Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Đề nghị:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M. Buộc chị Hồ Thị L có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền hui còn nợ tổng cộng 36.780.000đ (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng*).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị L có nghĩa vụ nộp 1.839.000đ (*Một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng*). Trả lại bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 919.500đ (*Chín trăm mười chín ngàn năm trăm đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị L có địa chỉ cư trú ấp L, xã L1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền hui còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp hui (họ)”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn chị Hồ Thị L được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Giang Thị Hoàng H, bà Huỳnh Thị B và bà Hồ Thanh T có ý kiến xin vắng mặt tham gia tố tụng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị L trả số tiền hui còn nợ 36.780.000đ. Phía nguyên đơn có xuất trình danh sách hui. Phía bị đơn chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng chị L vắng mặt cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn đưa ra. Những người làm chứng bà Giang Thị Hoàng H, bà Huỳnh Thị B và bà Hồ Thanh T đều xác nhận bà M có tham gia hui với tư cách là hui viên do chị Hồ Thị L làm chủ hui (Đầu thảo). Nên sự việc tham gia hui giữa nguyên đơn, bị đơn là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xem đây là sự việc có thật.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay chị L còn nợ bà M tiền hội 36.780.000đ. Phía nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng đến nay chị L vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó việc bà M yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả số tiền hội còn nợ 36.780.000đ, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho phía bị đơn và hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ, nên có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn chị Hồ Thị L có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền hội còn nợ là 36.780.000đ (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng*).

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị Hồ Thị L phải liên đới nộp án phí là $36.780.000đ \times 5\% = 1.839.000đ$ (*Một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã 919.500đ (*Chín trăm mười chín ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0003971 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2.4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 15, Điều 18 và Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Buộc bị đơn chị Hồ Thị L có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền hui còn nợ 36.780.000đ (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc chị Hồ Thị L có nghĩa vụ nộp 1.839.000đ (*Một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

2.2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 919.500đ (*Chín trăm mười chín ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0003971 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An